

Please complete this form in English only
Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

**Petition for Order of Protection
and Order for Hearing
Đơn Xin Lệnh Bảo Vệ và Lệnh về Phiên Tòa**

Case # (the clerk fills this in)
Vụ việc # (thư ký điền vào phần này):

In the _____ Court of _____ County, TN
Tại Tòa Án _____ Hạt _____ TN

Petitioner's name (person needing protection)

Tên của Nguyên đơn (người cần bảo vệ)

(List Child's name if filed on behalf of person under 18 years of age pursuant to TCA §36-3-602)

(Ghi tên của trẻ nếu làm đơn thay mặt cho người dưới 18 tuổi theo quy định của TCA §36-3-602)

first
tên

middle
tên đệm

last
họ

Check if Applicable:

Đánh dấu nếu Phù hợp:

Petitioner is under 18 and this Petition is being filed on behalf of an unemancipated person (someone under 18 years of age) pursuant to TCA §36-3-602. This request is being made by _____ who is child's parent or legal guardian or a caseworker.

Nguyên đơn dưới 18 tuổi và Đơn này được làm thay mặt một người chưa được phép sống độc lập (một người dưới 18 tuổi) theo TCA §36-3-602. Yêu cầu này được đưa ra bởi _____ là cha mẹ của trẻ hay người giám hộ hợp pháp hay một nhân viên vụ việc.

This request is being made by a law enforcement officer pursuant to TCA §36-3-619.

Person on whose behalf this Petition is filed consents in writing to the filing and signs here

Yêu cầu này do một sĩ quan hành pháp đưa ra theo TCA §36-3-619.

Người được sĩ quan hành pháp thay mặt để làm Đơn này đồng ý bằng văn bản đối với việc làm đơn và ký tại đây



****PETITIONER'S CHILDREN UNDER 18 THAT PETITIONER BELIEVES ARE IN NEED OF PROTECTION:**

****CON CỦA NGUYÊN ĐƠN DƯỚI 18 TUỔI MÀ NGUYÊN ĐƠN TIN RẰNG CẦN ĐƯỢC BẢO VỆ:**

Name Tên	Age Tuổi	Relationship to Respondent Mối quan hệ với Bị đơn	Name Tên	Age Tuổi	Relationship to Respondent Mối quan hệ với Bị đơn
1. _____			3. _____		
2. _____			4. _____		

Respondent's Information (person you want to be protected from):

Thông Tin của Bị Đơn (người mà quý vị muốn sẽ được bảo vệ):

first
tên

middle
tên đệm

last
họ

date of birth (MM/DD/YYYY)
ngày sinh (MM/DD/YYYY)

Please complete this form in English only
 Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

<i>street address</i> địa chỉ đường phố	<i>city</i> thành phố	<i>state</i> tiểu bang	<i>Zip</i> Zip
Respondent's Employer: _____ Chủ Hãng của Bị Đơn: _____			
<i>Employer's name</i> Tên của chủ hãng		<i>Employer's phone #</i> Số điện thoại của chủ hãng #	

DESCRIBE RESPONDENT:
MIÊU TẢ BỊ ĐƠN

Sex Giới tính	Race Chủng tộc	Hair Tóc	Eyes Mắt	Height – Weight – SSN – Other Chiều cao – Cân nặng – Số An Sinh Xã Hội – Khác	
<input type="checkbox"/> Male Nam <input type="checkbox"/> Female Nữ	<input type="checkbox"/> White Da trắng <input type="checkbox"/> Asian Châu Á <input type="checkbox"/> Black Da đen <input type="checkbox"/> Hispanic Người Mỹ gốc Tây Ban Nha <input type="checkbox"/> _____ Other: Khác:	<input type="checkbox"/> Black Đen <input type="checkbox"/> Grey Xám <input type="checkbox"/> Blond Vàng <input type="checkbox"/> Bald Đầu hói <input type="checkbox"/> Brown Nâu <input type="checkbox"/> _____ Other: Khác:	<input type="checkbox"/> Brown Nâu <input type="checkbox"/> Hazel Nâu vàng nhạt <input type="checkbox"/> Blue Xanh dương <input type="checkbox"/> Green Xanh lá cây <input type="checkbox"/> Grey Xám <input type="checkbox"/> _____ Other: Khác:	Height Chiều cao	
				Weight Cân nặng	
				Social Sec. # Số An Sinh Xã Hội	(Provided to Clerk's Office if known) (Đã Cung cấp cho Văn Phòng Thư Ký nếu biết) Do not list it here. Không ghi tại đây. XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX
				Scars/Special Features Sẹo/Đặc Điểm Đặc Biệt	
				Phone Number Số Điện Thoại	

- ① What is your relationship to the Respondent? (*check all that apply*):
 Mọi quan hệ của quý vị với Bị đơn là gì? (*đánh dấu tất cả nếu áp dụng*):
- a. We are married or used to be married.
 Chúng tôi kết hôn hoặc đã từng kết hôn.
 - b. We live together or used to live together.
 Chúng tôi sống cùng nhau hoặc đã từng sống cùng nhau.
 - c. We have a child together.
 Chúng tôi có con chung.
 - d. We are dating, used to date, or have had sex.
 Chúng tôi đang hẹn hò, đã từng hẹn hò, hoặc đã quan hệ tình dục.
 - e. We are relatives, related by adoption, or are/were in-laws. (*Specify*): _____
 Chúng tôi là họ hàng, có liên quan bởi nhận nuôi, hoặc là/đã là thông gia. (*Nêu rõ*): _____
 - f. We are the children of a person whose relationship is described above (*Specify*): _____
 Chúng tôi là con của người có mối quan hệ nêu trên (*Nêu rõ*): _____
 - g. The Respondent has stalked me.
 Bị đơn săn đuổi tôi.
 - h. The Respondent has sexually assaulted me.
 Bị đơn tấn công tình dục tôi.
 - i. Other: _____
 Khác: _____

Warning!
Cảnh báo!

- Weapon involved
 Liên quan đến vũ khí
- Has or owns a weapon
 Có hoặc sở hữu vũ khí



Please complete this form in English only
 Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

② List all children under 18 that you have:

Liệt kê tất cả trẻ em dưới 18 tuổi mà quý vị có:

* Check here if listing addresses would put you or your child in danger. If so, leave any spaces for addresses blank.

Đánh dấu ở đây nếu việc liệt kê các địa chỉ sẽ đặt quý vị hoặc con của quý vị vào nguy hiểm. Nếu vậy, hãy để trống hàng địa chỉ.

Name of Child Tên của Trẻ	Age Tuổi	Is Respondent the parent of the child? (Write "yes" or "no") Bị đơn là cha mẹ của trẻ? (Viết "đúng" hay "không")	Does the child need to be protected from the Respondent? Trẻ có cần được bảo vệ khỏi Bị đơn không?	Child's address Địa chỉ của trẻ

③ Where else have the children (that you and Respondent have together) lived during the last 6 months?

Trẻ còn sống ở đâu khác (mà quý vị và Bị đơn sống cùng nhau) trong 6 tháng qua?

Children's previous addresses
Địa chỉ trước đây của trẻ

Who did they live with at this address?
Ai sống cùng với trẻ tại địa chỉ này?

_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

④ **Other Court Cases** – Is there any court, other than this court, in which the respondent and petitioner are parties to an action? (including cases in which the parties have children in common) Yes No If "Yes," fill out below:

Các Trường hợp Tòa án Khác – Có bất kỳ tòa án nào khác, ngoài tòa án này, mà bị đơn và nguyên đơn là các bên có liên quan hay không? (bao gồm các trường hợp các bên có con chung)

County and state
of other case:
Hạt và Tiểu
Bang của vụ
việc khác:

Case Number
(if you know
it):
Số Vụ Việc
(nếu quý vị
biết):

Kind of case
(check all that
apply):

Divorce Domestic Violence Criminal Juvenile Child Support
Li dị Bạo Hành Gia Đình Tội Phạm Trẻ vị thành niên Trợ Cấp Nuôi Trẻ

Loại vụ việc
(đánh dấu tất cả
nếu áp dụng):

Other (specify): _____
Khác (nêu rõ): _____

Please complete this form in English only
Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

⑤ **Custody Rights** – Does anyone besides you or the Respondent claim to have custody or visitation rights to the children that you and Respondent have together? Yes No If “Yes,” who?

Quyền Chăm Sóc – Có bất kỳ người nào ngoài quý vị hoặc Bị đơn khiếu nại về quyền chăm sóc hoặc thăm nom trẻ là con chung của quý vị và Bị đơn không? Có Không Nếu “Có,” ai?

Name
Tên

Address
Địa Chỉ

⑥ **Describe Abuse** – (use additional sheets of paper if necessary and attach to Petition)

Miêu Tả Hành Hung – (dùng thêm giấy nếu cần và đính kèm theo Đơn Đề Nghị)

Describe abuse, stalking or assault (include, IF APPLICABLE, information about abuse or fear of abuse to your child(ren), personal property or animals)

Mô tả về việc hành hung, săn đuổi hoặc tấn công (bao gồm, NẾU ÁP DỤNG, thông tin về việc lạm dụng hoặc sợ bị lạm dụng đối với (các) con em quý vị, tài sản cá nhân hoặc thú nuôi)

Where and when did this happen?

Điều này đã diễn ra ở đâu và khi nào?

Describe any weapons used.

Mô tả bất kỳ vũ khí nào đã được sử dụng.

Please complete this form in English only
Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

I ask the court to make the following Orders after the hearing: (check all that apply)

Tôi đề nghị tòa án thực hiện những Lệnh sau đây sau phiên tòa xét xử: (đánh dấu chọn tất cả nếu áp dụng)

- ⑦ **No Contact**
Không Liên Lạc
Please order the Respondent to not contact: me our children under 18, either directly or indirectly, by phone, email, messages, text messages, mail or any other type of communication or contact.
Vui lòng ra lệnh cho Bị đơn không liên lạc: tôi các con của chúng tôi dưới 18 tuổi, dù trực tiếp hay gián tiếp, bằng điện thoại, email, tin nhắn, thư tín hoặc bất kỳ hình thức giao tiếp hoặc liên lạc khác.
- ⑧ **Stay Away**
Tránh Xa
Please order the Respondent to stay away from my home my workplace or from coming about me for any purpose.
Vui lòng ra lệnh cho Bị đơn tránh xa nhà của tôi nơi làm việc của tôi hoặc đến gần tôi vì bất kỳ mục đích nào.
- ⑨ **Personal Conduct**
Hành Vi Cá Nhân
Please order the Respondent not to:
Vui lòng ra lệnh cho Bị đơn không:
 Cause intentional damage to my property or interfere with the utilities at my home.
Cố ý gây hư hỏng cho tài sản của tôi hoặc can thiệp những tiện ích tại nhà của tôi.
 Hurt or threaten to hurt any animals that I/we own or keep.
Làm tổn thương hoặc đe dọa làm tổn thương bất kỳ động vật nào mà tôi/chúng tôi sở hữu hoặc nuôi giữ.
- ⑩ **Temporary Custody**
Chăm Sóc Tạm Thời
Please give me temporary custody of our children.
Vui lòng cho phép tôi được chăm sóc tạm thời các con của chúng tôi.
- ⑪ **Child Support**
Trợ Cấp Nuôi Dưỡng Trẻ
Please order the Respondent to pay reasonable child support.
Vui lòng ra lệnh cho Bị đơn trả tiền nuôi dưỡng trẻ.
- ⑫ **Petitioner Support (if married)**
Trợ Cấp Nguyên Đơn (nếu đã kết hôn)
Please order the Respondent to pay reasonable spousal support.
Vui lòng ra lệnh cho Bị đơn trả tiền trợ cấp vợ chồng.
- ⑬ **Move-out / Provide other housing**
Ra khỏi / Cung cấp nhà ở khác
Please order the Respondent to (*check one*): move out of our family home immediately or provide other suitable housing (if married)
Vui lòng ra lệnh cho bị đơn (*đánh dấu chọn một*): ra khỏi nhà của gia đình chúng tôi ngay lập tức hoặc cung cấp nhà ở thích hợp khác (nếu đã kết hôn)
 Check here if your home or lease is in the Respondent's name only.
Đánh dấu ở đây nếu nhà ở của quý vị hoặc chỗ thuê chỉ đứng tên của Bị đơn.
 If the parties share a residence, please allow the Respondent to obtain his/her clothing and personal effects such as medicine and other things he/she may need.
Nếu các bên ở cùng nơi cư trú, vui lòng cho phép Bị đơn nhận áo quần và các vật dụng cá nhân như thuốc và những vật dụng khác mà Bị đơn có thể cần.

Please complete this form in English only
Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

- ⑭ **Counseling/Substance Abuse Programs**
Chương Trình Tư Vấn/Lạm Dụng Chất
Please order the Respondent to go to a certified batterers' intervention program if one available in the area or a counseling program.
Vui lòng ra lệnh Bị đơn tham gia chương trình can thiệp dành cho các đối tượng gây bạo lực nếu có trong khu vực hoặc chương trình tư vấn.

- ⑮ **No Firearms**
Không Vũ Khí
Please order the Respondent not to have, possess, transport, buy, receive, use or in any other way get any firearm.
Vui lòng ra lệnh cho Bị Đơn không được có, sở hữu, vận chuyển, mua, nhận, sử dụng hoặc bằng bất kỳ cách nào có được vũ khí.
List all firearms that you believe the Respondent owns, controls, or has access to:
Ghi rõ tất cả các vũ khí mà quý vị tin rằng Bị Đơn sở hữu, kiểm soát hoặc có thể tiếp cận:

Type of Firearm (Pistol, Rifle, etc.) Loại vũ khí (súng ngắn, súng trường, v.v...)	Location Địa điểm

- ⑯ **Animals / Pets**
Động Vật / Vật Nuôi
Please give me custody and control of any animal owned, possessed, leased, kept or held by me, the Respondent, or the children listed above.
Vui lòng cho phép tôi được chăm sóc và quản lý bất kỳ động vật nào sở hữu, chiếm giữ, thuê, nuôi giữ bởi tôi, Bị đơn, hoặc trẻ em được liệt kê ở trên.

- ⑰ **Costs, fees and litigation taxes**
Chi phí, phí tổn và thuế kiện tụng
Please order the Respondent to pay all court costs, lawyer fees, and taxes for this case.
Vui lòng ra lệnh Bị đơn trả tất cả các chi phí tòa án, phí luật sư, và thuế cho vụ việc này.

- ⑱ **Transfer the billing responsibility for and rights to wireless telephone number(s)**
Chuyển giao trách nhiệm chi trả hóa đơn và các quyền liên quan đến (các) số điện thoại không dây
Please issue an order directing _____, a wireless telephone service provider, to transfer the billing responsibility for and rights to the wireless telephone number or numbers of petitioner since petitioner is not the account holder.
Vui lòng ban hành lệnh chỉ đạo _____, nhà cung cấp dịch vụ điện thoại không dây, chuyển giao trách nhiệm chi trả hóa đơn và các quyền liên quan đến (các) số điện thoại không dây cho nguyên đơn vì nguyên đơn không phải là người đứng tên chủ tài khoản.

Current account holder (name): _____
Chủ đứng tên tài khoản hiện tại (tên): _____

Billing telephone number: _____
Số điện thoại gửi hóa đơn: _____

Please complete this form in English only
Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

New account holder (*name*): _____

Chủ đứng tên tài khoản mới (*tên*): _____

All telephone numbers to transfer to new account holder:

Tất cả các số điện thoại chuyển giao cho chủ đứng tên tài khoản mới:

Telephone number (*include area code*): _____

Số điện thoại (*bao gồm mã vùng*)

Telephone number (*include area code*): _____

Số điện thoại (*bao gồm mã vùng*)

Telephone number (*include area code*): _____

Số điện thoại (*bao gồm mã vùng*)

Telephone number (*include area code*): _____

Số điện thoại (*bao gồm mã vùng*)

- Check box to include attachment with additional telephone number(s).
Đánh dấu vào ô để bao gồm phần đính kèm (các) số điện thoại bổ sung.

If the judge makes this order, you will be financially responsible for the transferred wireless telephone number or numbers, including the monthly service costs and costs of any mobile device associated with the wireless telephone number or numbers. You may be responsible for other fees. You must contact the wireless service provider to find out what fees you will be responsible for and whether you are eligible for an account.

Nếu thẩm phán ban hành lệnh này, quý vị sẽ chịu trách nhiệm tài chính đối với số hoặc các số điện thoại không dây được chuyển giao, bao gồm các khoản phí dịch vụ hàng tháng và các chi phí của bất kỳ thiết bị di động nào gắn với số hoặc các số điện thoại không dây. Quý vị có thể phải chịu trách nhiệm cho các khoản phí khác. Quý vị phải liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ không dây để tìm hiểu về những khoản phí mà quý vị sẽ phải chi trả và liệu quý vị có hội đủ điều kiện nhận một tài khoản hay không.

19

- Other Orders: (General Relief)**
Các Lệnh Khác: (Biện Pháp Giảm Nhẹ Tổng Thể)

I also ask the court to:
Tôi cũng đề nghị tòa án:

1. Make an immediate Temporary Order of Protection. (*Ex-Parte Order of Protection*)
Thực hiện Lệnh Bảo Vệ Tạm Thời ngay lập tức. (*Lệnh Bảo Vệ Một Bên*)
2. Notify law enforcement in this county of that Order.
Thông báo với cơ quan thi hành pháp luật trong hạt này về Lệnh đó.
3. Serve the Respondent a copy of that *Order* and Notice of Hearing to take place within 15 days of service.
Tổng đạt đến Bị đơn một bản *Lệnh* và Thông Báo Phiên Tòa sẽ diễn ra trong vòng 15 ngày kể từ ngày tổng đạt.

Please complete this form in English only
Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

- 4. Serve a copy of the Request, Notice of Hearing and Temporary Order on the parents of the Petitioner (if the Petitioner is under 18 years of age) unless the Court finds that this would create a serious threat of serious harm to the Petitioner. T.C.A. §36-3-605 (c)
Tống đạt một bản Yêu Cầu, Thông Báo Phiên Tòa và Lệnh Tạm Thời đến cha mẹ của Nguyên đơn (nếu Nguyên đơn dưới 18 tuổi) trừ khi Tòa Án nhận thấy rằng điều này sẽ tạo nên mối đe dọa làm tổn thương nghiêm trọng đến Nguyên đơn. T.C.A. §36-3-605 (c)

Petitioner (or parent/legal guardian/caseworker/law enforcement personnel) signs here in front of notary/clerk/judicial officer and swears that he/she believes the above information is true:
Nguyên đơn (hoặc cha mẹ/người giám hộ hợp pháp/nhân viên vụ việc/sĩ quan hành pháp) ký tên ở đây trước mặt công chứng viên/thư ký/viên chức pháp lý và tuyên thệ rằng những thông tin nêu trên là đúng sự thật:

_____ Date: _____
Ngày: _____

Notary fills out below –
Công chứng viên điền đầy đủ dưới đây –

I declare that the Petitioner has read this Petition,
and swears it be true to the best of her/his knowledge.
Sworn and subscribed before me, the undersigned authority,
Tôi tuyên bố rằng Nguyên đơn đã đọc Đơn xin này, và tuyên thệ rằng đó là sự thật.
Đã tuyên thệ và đăng ký trước tôi, người được ủy quyền ký tên dưới đây,

By (Print name of notary):
Bởi (Viết in tên của công chứng viên): _____

On this date:
Vào ngày này: _____

Notary or Court Clerk or Judicial Officer signs here Date notary's commission expires
Công Chứng Viên hoặc Thư Ký Tòa Án hoặc Viên Chức Pháp Lý ký tên ở đây Ngày hết hạn nhiệm vụ của công chứng viên

The court finds good cause and will issue a Temporary Order of Protection.
Tòa án nhận thấy có lý do chính đáng và sẽ ban hành Lệnh Bảo Vệ Tạm Thời.

 The court does not find good cause and denies a Temporary Order of Protection - The court finds there is no immediate and present danger of abuse to the petitioner and denies the Petitioner's request for a *Temporary Order of Protection*. The court will set the matter for hearing.

Tòa án không nhận thấy có lý do chính đáng và từ chối Lệnh Bảo Vệ Tạm Thời – Tòa án nhận thấy không có nguy hiểm hành hung trực tiếp và hiện tại đối với nguyên đơn và từ chối yêu cầu của Nguyên đơn về *Lệnh Bảo Vệ Tạm Thời*. Tòa án sẽ sắp xếp phiên tòa xét xử vấn đề.

**ORDER FOR HEARING
LỆNH VỀ PHIÊN TÒA**

The Petitioner and Respondent must go to court and explain to the judge why the judge should or should not issue an Order of Protection against the Respondent.

Please complete this form in English only

Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

Nguyên đơn và Bị đơn phải ra tòa và giải thích với thẩm phán lý do tại sao thẩm phán nên hay không nên ban hành
Lệnh Bảo Vệ đối với Bị đơn.

This hearing will take place on (date): _____ at (time): _____ a.m.

p.m.

Phiên tòa này sẽ diễn ra vào ngày (ngày): _____

lúc (thời gian): _____

at (location): _____

tại (địa điểm): _____

Judicial Officer's signature Date _____
Ngày

Chữ ký của Viên Chức Tư Pháp

Proof of Service of Petition, Notice of Hearing and Temporary Order of Protection:

Bằng Chứng Tổng Đạt Đơn Đề Nghị, Thông Báo Phiên Tòa và Lệnh Bảo Vệ Tạm Thời:

Respondent was served on (date): _ at (time): _____ by (check one)

Bị đơn được tổng đạt vào (ngày): _ lúc (thời gian): __ bởi (đánh dấu chọn một):

Personal service

Dịch vụ cá nhân

U.S. Mail per TCA §§ 20-2-215 and 20-2-216 (The Respondent does not live in Tennessee.)

Thư Tín Hoa Kỳ theo TCA §§ 20-2-215 và 20-2-216 (Bị Đơn không sống tại Tennessee.)

Server's signature Chữ ký của người tổng đạt

Print Name Tên Viết In

Petitioner was served on (date): Nguyên đơn được tổng đạt vào (ngày): _____

at (time): lúc (thời gian): _____ by (check one) bởi (đánh dấu chọn một):

Personal service Dịch vụ cá nhân

Server's signature Chữ ký của người tổng đạt

Print Name Tên Viết In

If the Petitioner is under 18 (and Petitioner is a social worker filing on behalf of a minor) and service of these documents would not put him/her at risk, the Clerk will serve and fill out below. (TCA § 36-3-605(c))

Nếu Nguyên đơn dưới 18 tuổi (và Nguyên đơn là nhân viên xã hội nộp đơn thay mặt trẻ vị thành niên) và việc tổng đạt những hồ sơ này sẽ không đặt cá nhân đó vào rủi ro, thì Thư Ký sẽ tổng đạt và điền vào dưới đây. (TCA § 39-13-102(c))

I served the child's parents copies of the Petition, Notice of Hearing, and Temporary Order of Protection by personal delivery or U.S. Mail on: (date): _____ at (address): _____.

Tôi đã tổng đạt đến cha mẹ của trẻ những bản Đơn Đề Nghị, Thông Báo Phiên Tòa, và Lệnh Bảo Vệ Tạm Thời bằng hình thức giao tận tay hoặc Thư Tín Hoa Kỳ vào: (ngày): _____ tại (địa chỉ): _____.

Clerk's signature:

Chữ ký của Thư ký: _____

Please complete this form in English only
Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

Notice to the Respondent about Firearms
Thông Báo gửi Bị đơn về Súng

If the court grants the Petitioner's request for a Protective Order:
Nếu tòa án chấp nhận yêu cầu Lệnh Bảo Vệ của Nguyên đơn:

- You will not be able to have a firearm while this or any later protective order is in effect. You will have to transfer all firearms in your possession within 48 hours to any person who is legally allowed to have them. *18 U.S.C. §922(g)(8), TCA §36-3-606(g), TCA §36-3-625.*
Quý vị sẽ không thể có vũ khí trong khi lệnh bảo vệ này hoặc bất kỳ lệnh bảo vệ nào sau này có hiệu lực. Quý vị sẽ phải chuyển tất cả số vũ khí mà quý vị sở hữu cho bất kỳ người nào được pháp luật cho phép tàng trữ trong vòng 48 giờ. *18 U.S.C. §922(g)(8), TCA §36-3-606(g), TCA §36-3-625.*
- You will not be allowed to buy a firearm until the court says otherwise.
Quý vị sẽ không được phép mua súng cho đến khi tòa có lệnh khác.